

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: **74/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 21/9/2022

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Lan Hương

2. Bà Trần Thanh Vân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Ông
Vũ Xuân Đại – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xóm K, xã P, thành phố TH, tỉnh TH

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Xóm K, xã P, thành phố TH, tỉnh TH

(Có mặt chị T, vắng mặt anh H)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ngô Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, thành phố TH. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, không tìm được tiếng nói chung do chồng nghiện ma túy, thường xuyên vắng nhà không quan tâm đến gia đình. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị B, sinh ngày 02/11/1999 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 10/8/2001 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị T có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng chị tự thỏa thuận về tài sản chung. Do đó chị T rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho anh H, anh H có mặt ở nhà, được nghe đọc các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nhận các văn bản và cũng không đến Tòa án để giải quyết. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký: đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp; Chấp hành đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử; Tại phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 203, Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị T, chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

* Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thị B, sinh ngày 02/11/1999 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 10/8/2001 hiện đã trưởng thành.

* Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét, giải quyết.

* Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn H hiện đang cư trú tại thành phố TH, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh H từ chối nhận các văn bản tố tụng và vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố TH quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tập tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, thành phố TH nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn là do anh H nghiện ma túy thường xuyên vắng nhà không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Thị B, sinh ngày 02/11/1999 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 10/8/2001 hiện đã trưởng thành.

[2.3]. Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Tòa án đã thụ lý yêu cầu chia tài sản chung để giải quyết. Quá trình giải quyết, chị T xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Anh H không thể hiện quan điểm của mình. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị T là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị. Sau này các đương sự có tranh chấp về việc chia tài sản chung thì được quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[2.4]. Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự cho chị T.

[2.6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 203, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị T. Chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thị B, sinh ngày 02/11/1999 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 10/8/2001 hiện đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Ngô Thị T.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000990 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH. Hoàn trả chị Ngô Thị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 7.200.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai, chị Ngô Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- THA dân sự thành phố TH;
- Các đương sự;
- UBND xã PH;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thị Thanh Trúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TH, ngày 18 tháng 4 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 18/4/2022 tại Phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 693/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “*tranh chấp ly hôn*”, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Phụng, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Hương, phường Đồng Bầm, thành phố TH, tỉnh TH

* *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn Dương, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Hương, phường Đồng Bầm, thành phố TH, tỉnh TH

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều

83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Phụng. Chị Trần Thị Phụng được ly hôn với anh Đoàn Văn Dương.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị Phụng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đoàn Trần Quốc Hưng, sinh ngày 07/7/2019 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dương có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đoàn Văn Dương cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người pH thi hành án chậm thi hành thì pH chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị Phụng pH chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000628 ngày 26/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH và anh Đoàn Văn Dương pH chịu số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Phụng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Văn Dương có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

